

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn
vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức
các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương và ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực
thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký
doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giữa
các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương trong công tác quản lý nhà nước
đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ
quan quản lý nhà nước tại địa phương trong công tác quản lý nhà nước đối với
doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm
2025 và thay thế các Văn bản sau đây:

1. Quyết định số 66/2015/QĐ-UBND ngày 19/11/2015 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Bình Thuận (cũ) ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng

trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

2. Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (cũ) ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

3. Quyết định số 54/2023/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (cũ) ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Báo và PTTTH Lâm Đồng;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng, đơn vị thuộc Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH(Hg).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Ngọc Hiệp



QUY CHẾ

Phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập
(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2025/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định về mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác; báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

b) Các nội dung khác liên quan đến công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp, hộ kinh doanh không được quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo Luật Doanh nghiệp; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

b) Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh Lâm Đồng (bao gồm: Công an tỉnh, Thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh).

c) Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã).

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc đăng ký và hoạt động doanh nghiệp, đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh trên địa bàn.

Điều 2. Mục tiêu phối hợp

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập tại địa phương theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp, trao đổi thông tin, tránh chồng chéo, trùng lặp.

- b) Bảo đảm giải quyết công việc nhanh chóng, hiệu quả, đúng quy định.
- c) Thúc đẩy sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị.
- d) Tăng cường vai trò giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp, hộ kinh doanh gây ra cho xã hội.

3. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh được phân định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan chức năng cụ thể. Các cơ quan chức năng quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan chức năng; mỗi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực tương ứng; các cơ quan chức năng có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, hộ kinh doanh tuân thủ đúng quy định pháp luật.

2. Phối hợp, chia sẻ thông tin kịp thời giữa các cơ quan nhà nước về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức có liên quan trong tiếp cận các thông tin về hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh được lưu trữ tại cơ quan, đơn vị, trừ trường hợp phải bảo đảm bí mật theo quy định pháp luật. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải bảo đảm đồng bộ, chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra; số lần thanh tra, kiểm tra đối với mỗi doanh nghiệp, hộ kinh doanh (bao gồm cả kiểm tra liên ngành) không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng; ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử; giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp; miễn kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh tuân thủ tốt quy định của pháp luật.

4. Không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động bình thường.

Chương II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP GIỮA CÁC CƠ QUAN CHỨC NĂNG TRONG VIỆC TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH

Điều 4. Nội dung thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Thông tin về đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, bao gồm:

a) Thông tin đăng ký doanh nghiệp, bao gồm: Tên; mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; số điện thoại liên hệ; ngành, nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện theo pháp luật; vốn điều lệ; danh sách thành viên; người đại diện theo ủy quyền; tình trạng pháp lý; tên, mã số, địa chỉ, họ và tên người đứng đầu, tình trạng pháp lý của đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh, địa điểm kinh doanh và các thông tin đăng ký khác của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

b) Thông tin đăng ký hộ kinh doanh, bao gồm: Tên; mã số hộ kinh doanh; địa điểm kinh doanh; ngành, nghề kinh doanh; vốn kinh doanh; tên chủ hộ kinh doanh và các thông tin đăng ký khác của hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, bao gồm: Đang hoạt động; tạm ngừng kinh doanh; không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế; đang làm thủ tục giải thể, bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập; đang làm thủ tục phá sản; đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

3. Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, bao gồm: Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của doanh nghiệp; doanh thu, số lao động; số lao động tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tình trạng đóng, chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin về xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, bao gồm: Kết luận và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, về đầu tư, về quản lý thuế, đất đai, lao động, bảo hiểm xã hội và pháp luật chuyên ngành khác; việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của doanh nghiệp, các hình thức chế tài, Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

5. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, gồm một trong các thông tin sau:

a) Cá nhân sở hữu trực tiếp hoặc sở hữu gián tiếp từ 25% vốn điều lệ hoặc 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của doanh nghiệp.

b) Cá nhân có quyền chi phối việc thông qua ít nhất một trong các vấn đề sau: Bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên; người đại

diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Sở Tài chính (phòng Đăng ký kinh doanh) là đầu mối cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, như sau:

a) Định kỳ vào tuần thứ nhất hàng tháng, Phòng Đăng ký kinh doanh có trách nhiệm cung cấp danh sách doanh nghiệp về các thông tin phát sinh của tháng trước đó theo Điều 4 của Quy chế này cho các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điểm b, Khoản 1 Điều này thông qua hộp thư điện tử do các cơ quan, đơn vị cung cấp.

b) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin cá nhân và hộp thư công vụ của cán bộ đầu mối của đơn vị cho Sở Tài chính để cung cấp thông tin.

c) Nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp công khai gồm những thông tin quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 4 Quy chế này.

d) Riêng đối với thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, Sở Tài chính cung cấp thông tin quy định tại Khoản 5, Điều 4 Quy chế này khi nhận được văn bản đề nghị để phục vụ cho công tác phòng chống rửa tiền.

2. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại địa phương công khai các thông tin quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 4 Quy chế này theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Cơ quan Đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cung cấp và công khai thông tin đăng ký hộ kinh doanh do mình cấp, như sau:

a) Định kỳ vào tuần thứ nhất hàng tháng, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp danh sách hộ kinh doanh phát sinh của tháng trước đó cho các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 4 Quy chế này thông qua hộp thư điện tử cán bộ đầu mối của các đơn vị.

b) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước Trung ương đặt tại địa phương có trách nhiệm cung cấp thông tin cá nhân và hộp thư điện tử cho Cơ quan Đăng ký kinh doanh cấp xã để cung cấp thông tin.

c) Nội dung thông tin đăng ký hộ kinh doanh công khai gồm những thông tin quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 4 Quy chế này.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng pháp lý, tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Trên cơ sở khai thác từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ quan Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để các cơ quan chức năng tra cứu và thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

2. Cơ quan Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính định kỳ đối chiếu thông tin trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với thông tin do cơ quan quản lý thuế cung cấp về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp ngừng hoạt động quá 01 năm mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế, cơ quan Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định của Luật Doanh nghiệp tiến hành gửi thông báo yêu cầu doanh nghiệp báo cáo, ban hành thông báo vi phạm đến doanh nghiệp yêu cầu giải trình để làm căn cứ xử lý, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; cập nhật tình trạng hoạt động của doanh nghiệp lên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Cơ quan Đăng ký kinh doanh thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của hộ kinh doanh thuộc địa bàn quản lý trên cơ sở khai thác thông tin từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hộ kinh doanh. Đối với hộ kinh doanh ngừng hoạt động tại địa chỉ đăng ký quá 06 tháng mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định của pháp luật tiến hành gửi thông báo yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo, ban hành thông báo vi phạm đến hộ kinh doanh yêu cầu giải trình để làm căn cứ xử lý, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; cập nhật tình trạng hoạt động của hộ kinh doanh lên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Các cơ quan chức năng chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong lĩnh vực, ngành quản lý nhà nước được giao; chủ động xây dựng phương án, công cụ trao đổi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý thuế và các cơ quan đầu mối thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh khác để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình.

2. Các cơ quan chức năng thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành quy định tại Khoản 3, Điều 4 Quy chế này.

3. Trao đổi thông tin về báo cáo tài chính của doanh nghiệp: Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp được nộp đến cơ quan quản lý thuế tiếp nhận, lưu trữ theo quy định của Bộ Tài chính và Cục Thuế. Việc sử dụng, cung cấp thông tin về báo cáo tài chính của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết, cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh phối hợp trong việc trao đổi thông tin về báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo quy định.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật

1. Sở Tài chính là đầu mối công khai thông tin doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật về doanh nghiệp và đầu tư. Thông tin công khai bao gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; hành vi vi phạm, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả, việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của doanh nghiệp.

2. Thuế tỉnh Lâm Đồng công khai danh sách các doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và theo hướng dẫn của Cục Thuế - Bộ Tài chính.

Thuế cơ sở công khai danh sách các hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và theo hướng dẫn của Cục Thuế.

3. Các cơ quan chức năng khác là đầu mối công khai doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý. Thông tin công khai gồm thông tin quy định tại Điều 4 của Quy chế này và hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả, việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Đồng thời phản hồi về Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã để phối hợp quản lý.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối công khai thông tin về hộ kinh doanh trên địa bàn có hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh. Các thông tin công khai gồm thông tin quy định tại Điều 4 của Quy chế này và hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của hộ kinh doanh.

Chương III

KIỂM TRA, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH VÀ XỬ LÝ VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN, NGÀNH NGHỀ TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG CÓ ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 9. Nội dung phối hợp trong công tác kiểm tra, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh; xử lý vi phạm quy định về ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài khi nhận được văn bản

của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật

1. Nội dung phối hợp trong kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, bao gồm: Phối hợp xây dựng kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh; phối hợp tổ chức thực hiện công tác kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh; phối hợp sắp xếp, xử lý chồng chéo, trùng lặp.

2. Nội dung phối hợp trong thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, bao gồm: Phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh; thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

3. Nội dung phối hợp trong xử lý doanh nghiệp vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, gồm: Phối hợp xử phạt; yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Nội dung phối hợp trong xử lý hộ kinh doanh vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, gồm: Phối hợp xử phạt; yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng kế hoạch và phê duyệt kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi dự thảo kế hoạch thanh tra, kiểm tra về Thanh tra tỉnh để phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp với hoạt động thanh tra, kiểm tra.

a) Trước ngày 10 tháng 11 hàng năm, các cơ quan quy định tại điểm a, b, c, Khoản 2 Điều 1 Quy chế này gửi kế hoạch kiểm tra năm sau liền kề của cơ quan, đơn vị mình cho Thanh tra tỉnh.

b) Các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh có trách nhiệm đối chiếu với kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng khác trên địa bàn khi xây dựng kế hoạch kiểm tra của mình để giảm thiểu trùng lặp; gửi cho Thanh tra tỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề đã được cấp trên phê duyệt.

2. Thanh tra tỉnh rà soát, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến về chủ trương kế hoạch thanh tra, kiểm tra trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

3. Trên cơ sở chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh,

Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra và tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo kế hoạch kiểm tra đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tiến hành kiểm tra đột xuất theo quy định của pháp luật.

Trường hợp thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành, đơn vị được giao chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh có trách nhiệm chủ trì, các cơ quan liên quan cử cán bộ tham gia. Kết quả thanh tra, kiểm tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan chức năng tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý theo quy định. Đối với những vi phạm có dấu hiệu phải xử lý theo hình sự thì thủ trưởng cơ quan chuyên ngành có văn bản chuyển kết luận kiểm tra đến cơ quan Cảnh sát điều tra thụ lý, giải quyết.

2. Trong quá trình kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cơ quan chức năng phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

3. Thanh tra tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh; tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh của các cơ quan chức năng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Kế hoạch, kết luận thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và văn bản hướng dẫn thi hành theo đúng thẩm quyền.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký theo quy định, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh đối với doanh nghiệp hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đối với hộ kinh doanh.

3. Trường hợp nhận được thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm thuộc trường hợp phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, nếu

cần phải xác minh thông tin, cơ quan đăng ký kinh doanh kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải được thể hiện bằng văn bản để làm căn cứ xử lý, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Trách nhiệm cụ thể:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý.

b) Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm xác định doanh nghiệp nợ thuế thuộc diện phải áp dụng cưỡng chế thuế theo quy định Luật Quản lý thuế bằng biện pháp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

c) Công an tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ xác minh nội dung kê khai giả mạo trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi có đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc các tổ chức, cá nhân khác. Trả lời kết quả xác minh bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

d) Các cơ quan chức năng, chuyên môn khác có trách nhiệm xác minh hành vi kinh doanh ngành, nghề cấm kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý ngành; xác minh, trả lời cho các tổ chức, cá nhân về bản sao văn bản, giấy tờ do cơ quan mình cấp bị giả mạo để làm cơ sở xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo.

đ) Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng bị cấm thành lập, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và quản lý doanh nghiệp theo quy định Luật Doanh nghiệp có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp đó.

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xử lý và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong thời hạn theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh có vi phạm bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi văn bản yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, đồng thời gửi quyết định cho cơ quan đã có yêu cầu thu hồi.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài; các cơ quan chức năng quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện đúng quy định về điều kiện kinh doanh.

2. Cơ quan chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã về thực hiện công tác quản lý nhà nước về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo pháp luật chuyên ngành, đồng thời có trách nhiệm thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về các trường hợp sau:

a) Đình chỉ, thu hồi Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

b) Đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện do không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật bị người có thẩm quyền đình chỉ, thu hồi hoặc tước Giấy phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

3. Khi nhận được thông báo của cơ quan chức năng quy định tại Khoản 2 Điều này, cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã bị Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trường hợp doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

Chương IV

BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 14. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các nội dung sau:

a) Trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

b) Kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

c) Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

d) Xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Chậm nhất vào ngày 10 tháng 01 hàng năm, cơ quan chức năng có trách nhiệm:

a) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Tài chính về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được phân công và tình hình thực hiện phối hợp các nội dung quy định tại Điều 14 Quy chế này của năm liền trước.

b) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh qua Thanh tra tỉnh về kết quả kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 14 Quy chế này của năm liền trước.

2. Sở Tài chính là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại điểm a, c và d, Khoản 2, Điều 14 Quy chế này.

3. Thanh tra tỉnh là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 14 Quy chế này.

4. Trong tháng 02 hàng năm, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập của năm trước liền kề theo nội dung tại Điều 16 Quy chế này.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính là đầu mối theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan tại địa phương trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập

2. Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan tại địa phương trong công tác quản lý nhà nước đối hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

3. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và các đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được phân công trong Quy chế này, chủ động tổ chức phối hợp và triển khai thực hiện hiệu quả.

Điều 17. Kinh phí triển khai thực hiện Quy chế phối hợp

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung quy chế

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề mới, các cơ quan, tổ chức có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.
